TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** ---***---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 17/2018/HSST
Ngày: 09/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và ông Nguyễn Đức Tuân.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Cán bộ toà án.

- ***Đại diện VKSND huyện Khoái Châu:*** Ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh - KSV.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2018/TLST-HS, ngày 20/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 27/3/2018 đối với bị cáo:

Đỗ Đình Đ, sinh năm 1987. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Đỗ Đình A, Sinh năm 1962; Con bà: Nguyễn Thị N, Sinh năm 1961; Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là lớn nhất; Vợ: Nguyễn Thị C, Sinh năm 1992; Con: có 02 người, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Lê Thị S, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

****/ Những người làm chứng:***

1. Anh Lê Tiến E, sinh năm 1987;

Trú tại: Thôn BD, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1965.

Trú tại: Thôn X, xã G, huyện Z, TP. Hà Nội

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 25/12/2017, Đỗ Đình Đ, sinh năm 1987 trú tại thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên điều khiển xe môtô biển số 29X3-5181 mang theo 400.000 đồng đi sang xã T, huyện K tìm mua chất ma túy về sử dụng. Khi đến đoạn đường bê tông gần nghĩa trang liệt sĩ xã T thì Đ gặp một người đàn ông lạ mặt, không biết tên và địa chỉ, khoảng 30 tuổi, đeo khẩu trang, đầu đội mũ lưỡi chai, mặc quần áo tối màu đang đứng ở đầu ngõ. Đ đi đến gần và nói với người đàn ông đó là *"Anh có hàng bán không"* ý hỏi mua ma túy, người đàn ông đó bảo *"Có"*, Đ lấy 400.000 đồng đưa cho người đàn ông đó. Sau khi cầm tiền, người đàn ông này lấy từ trong người ra đưa cho Đ 02 gói giấy nhỏ loại giấy vở học sinh. Đ không mở ra kiểm tra, nhưng biết chắc bên trong 02 gói giấy đó có chứa ma túy (Hêrôin) nên cầm ở lòng bàn tay phải và quay về. Khi đang dắt xe môtô trên đường bê tông thuộc thôn BD, xã T, huyện K thì Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu cùng Công an xã T phát hiện, kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Đ đã tự giác giao nộp 02 gói Hêrôin ở lòng bàn tay phải vừa mua được cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã niêm phong 02 gói Hêrôin để gửi đi giám định và quản lý chiếc xe mô tô biển số 29X3 – 5181.

Tại bản kết luận giám định số 52/PC54 ngày 28/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chất màu trắng đục dạng bột và cục trong niêm phong ghi thu của Đỗ Đình Đ, có trọng lượng: 0,301g, là Hêrôin.

Chiếc xe mô tô biển số 29X3 – 5181 được xác định thuộc quyền sở hữu của chị Lê Thị S chị dâu của Đ ở thôn M, xã D, huyện K. Chị S không biết việc Đ sử dụng xe để đi mua ma túy. Hiện Cơ quan điều tra đang quản lý chiếc xe trên.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Đ, do không rõ tên địa chỉ nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Quá trình điều tra, bị cáo Đỗ Đình Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng các quy định của pháp luật để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo qui định.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS-KC, ngày 19/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Đỗ Đình Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015).

Tại phiên toà hôm nay:

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Đ và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017, QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS năm 2015).

Đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/12/2017; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ; Tịch thu tiêu hủy 0,258g (không phẩy hai trăm năm mươi tám gam) Herôin hoàn lại sau giám định; Trả lại cho chị Lê Thị S 01 xe mô tô biển số 29X3-5181.

- Bị cáo Đ nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất. Riêng về chiếc xe mô tô biển số 29X3 – 5181, Đ khẳng định là đã mượn của chị S, việc Đ sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi mua ma túy chị S không biết, nên đề nghị HĐXX trả lại cho chị S.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị S và người làm chứng anh Lê Tiến E, chị Nguyễn Thị C, chị Phạm Thị Q đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án, họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay, không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận vào ngày 25/12/2017, bị cáo có đến đoạn đường bê tông gần nghĩa trang liệt sĩ xã T để mua ma túy về sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản vụ việc (BL: 31-32); Biên bản niêm phong (BL: 30) Biên bản mở niêm phong (BL: 15); Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên (BL: 17); Lời khai của người làm chứng anh Lê Tiến E (BL: 35 - 36). Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 25/12/2017, tại đoạn đường bê tông thuộc thôn BD, xã T, huyện K, Đỗ Đình Đ đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,301g Heroin mục đích để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu và Công an xã T phát hiện thu giữ. Bị cáo Đ có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy trước ngày 01/01/2018 (Trước ngày BLHS năm 2015 có hiệu lực), tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999. Tuy nhiên, cần áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017, QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, theo đó tội danh và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Đỗ Đình Đ theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 20/CT-VKS-KC, ngày 19/3/2018 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Đ gây nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ: Bị cáo đã vi phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý được luật hình sự bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an. Bản thân bị cáo Đ nhận thức rất rõ tác hại của ma tuý, biết được tàng trữ trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo đã sẵn sàng vi phạm pháp luật, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

***Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*:** Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản thân bị cáo nghiện chất ma túy nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có công ăn việc làm, nghiện chất ma túy, vì vậy đã tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng chứ không vì mục

đích tư lợi nên không áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, để phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015

- Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật chứng trong vụ án được nhà nước độc quyền quản lý, cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy 0,258g (không phẩy hai trăm năm mươi tám gam) Heroin hoàn lại sau giám định.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 29X3-5181 thuộc sở hữu của chị Lê Thị S, việc bị cáo Đ sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi mua ma túy chị S không biết nên cần trả lại cho chị Lê Thị S chiếc xe trên (tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 17/QĐ-VKSKC ngày 19/3/2018 của VKSND huyện Khoái Châu).

Về án phí: Buộc bị cáo Đ phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Tuyên bố**:** Bị cáo Đỗ Đình Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017, QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7, Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Đình Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/12/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 0,258g (không phẩy hai trăm năm mươi tám gam) Heroin hoàn lại sau giám định.

- Trả lại cho chị Lê Thị S, sinh năm 1984 trú tại: Thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên 01 xe mô tô biển số 29X3-5181.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 17/QĐ-VKSKC ngày 19/3/2018 của VKSND huyện Khoái Châu).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2018), Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi thường trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *CA huyện Khoái Châu;*
- *Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;*
- *Chi cục thi hành án huyện K/C;*
- *Lưu HSVA.*